TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT
Ngày: 27 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào
Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Huế A, sinh năm 1975 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm 10, phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện hợp pháp của chị A: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp 3, xã Thạnh Hòa, huyện Bến L, tỉnh Long A. (Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Huế A: Ông Mai Thiên T2, sinh năm 1977. Là Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)
- Bị đơn: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1956 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh C ..
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Huỳnh Bé H, sinh năm 1975
2. Anh Huỳnh Văn N1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
3. Chị Huỳnh Mỹ Ngải, sinh năm 1982
4. Chị Huỳnh Mỹ N3, sinh năm 1985
5. Chị Huỳnh Mỹ N5, sinh năm 1990
6. Anh Lữ Trần P2, sinh năm 1989 (Có mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh C .
7. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông Phạm Anh Cường là người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng, văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C.

8. Ủy ban nhân dân huyện Thới B, tỉnh C.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Thới Bình: Ông Lê Chí Tâm, chức vụ: Trưởng phòng TN&MT huyện Thới B là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Thới B, văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020 (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Huỳnh Huế A – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17-6-2015 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Huế A và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp trình bày:

Trước năm 1975, ông nội của chị Huế A là ông Huỳnh An Ninh (đã chết) có cho ông Huỳnh Công Tạo (cha của chị Huế A) phần đất diện tích 2000 m^2 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, Thới B, tỉnh C. Năm 2006, ông Tạo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, ông Tạo tặng cho phần đất này cho chị Huế Anh, đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Khoảng năm 1990, gia đình chị lấy hài cốt của ông Ninh và bác hai của chị Huế Anh là ông Huỳnh Văn Quảng về chôn trên phần đất nêu trên. Năm 2015, chị Huế A về phần đất này làm nền mộ chôn cất cô của chị thì bà T1 ngăn cản cho rằng phần đất này của bà không phải của chị Huế A, từ đó phát sinh tranh chấp cho đến nay. Năm 2019 chị Huế A phát hiện bà T1 làm hàng rào, do trong thời gian tranh chấp nên chị không có ngăn cản.

Chị Huế A yêu cầu bà T1 trả lại cho chị phần đất có diện tích 2.000 m^2, thuộc thửa số 697, tờ bản đồ số 07 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới B, tỉnh C.

- Bà Lê Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà là ông Huỳnh Văn Nhơn (đã chết) và bà Trần Thị Hoằn (đã chết) cho lại chồng bà là ông Huỳnh Thái Khương (đã chết) và bà với tổng diện tích 116.800m^2, trong đó bao gồm phần đất tranh chấp 2.000 m^2, ông Nhơn cho đất lại vợ chồng bà khoảng năm 1974. Ông Huỳnh Văn Nhơn và ông Huỳnh An Ninh là anh em ruột. Khoảng năm 1991 – 1992 ông Huỳnh Công Tạo là con của ông Huỳnh An Ninh có nói với bà Trần Thị Hoằn là cho xin một phần đất để làm chỗ chôn cất ông Huỳnh An Ninh, ông Huỳnh Văn Quảng, bà Hoằn đồng ý để ông Tạo đem hai ngôi mộ về chôn cất cho đến nay, phần đất diện tích của hai ngôi mộ khoảng 200 m^2, phần đất nêu trên đã có chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Huỳnh Thái Khương, bà Lê Thị T1 đứng tên. Ông Tạo, chị Huế A làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không biết.

Bà T1 xác định từ năm 1974 đến nay ông Tạo, chị Huế A không có canh tác, quản lý sử dụng gì trên phần đất tranh chấp nêu trên. Trên phần đất tranh chấp có tồn tại 02 ngôi mộ của ông Ninh và ông Quảng, phần xung quanh bà nuôi tôm. Năm 2002, ông Tạo có làm đơn yêu cầu tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ giải quyết buộc bà T1 trả lại cho ông 2.000 m^2 đất. Kết quả hòa giải bà T1 và ông Tạo thỏa thuận được là bà T1 cho ông Tạo 1.000 m^2 làm nền mộ, không được sang bán hay

cất nhà ở trên phần đất này. Năm 2015, chị Huế A về làm nền mộ để chôn cất cô của chị trên phần diện tích 2.000 m^2 thì bà ngăn cản nên phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Bà T1 không chấp nhận yêu cầu của chị Huế A đặt ra vì phần đất nêu trên là của gia đình bà không phải của chị Huế Anh. Bà thống nhất giữ y hiện trạng các ngôi mộ của ông Ninh và ông Quảng.

Chị Huỳnh Bé H trình bày:

Chị Bé Hai thống nhất với trình bày của bà T1. Chị Bé Hai đã lập gia đình và sống riêng, không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp.

Anh Huỳnh Văn N1 trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến bày của bà T1, anh bổ sung phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà T1, chứ không thuộc quyền sử dụng của chị Huế Anh.

Anh Lữ Trần P2 trình bày:

Khoảng cuối năm 2019, anh bắt đầu xây dựng hàng rào bao quanh phần đất của bà T1, trong đó có 02 ngôi mộ của ông Ninh và ông Quảng. Nếu yêu cầu có cơ sở anh đồng ý tháo dỡ hàng rào để làm lối đi viếng mộ, anh không yêu cầu bồi thường, ngược lại anh không đồng ý tháo dỡ hàng rào.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Huế A về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 giao trả phần đất tại thửa 697, tờ bản đồ số 7 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bì, tỉnh C. Bà Lê Thị T1 được tiếp tục quản lý, canh tác phần đất này và có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (trừ vị trí các ngôi mộ, phần đất được tính vào khu mộ và một lối đi vào khu mộ).

Không xem xét yêu cầu của bà Lê Thị T1, anh Lữ Trần P2 về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 417362, cấp ngày 07/10/2014 do chị Huỳnh Huế A đứng tên.

Giữ y hiện trạng phần mộ của ông Ninh và ông Quảng và phần đất được tính vào khu mộ như sau: Từ vị trí các khu mộ đo ra 04 cạnh theo các hướng Bắc, Nam, Đông, Tây mỗi cạnh là 03m và một lối đi chiều ngang 02m, chiều dài thẳng từ khu mộ đến giáp Kinh Xáng (còn gọi là kênh Ngã Cại). Buộc bà Lê Thị T1, chị Huỳnh Bé H, anh Huỳnh Văn N1, chị Huỳnh Mỹ Ngải, chị Huỳnh Mỹ N3, chị Huỳnh Mỹ N5, anh Lữ Trần P2 tháo dỡ hàng rào chiều ngang 02m để khai thông lối đi này.

Buộc chị Huế Anh bồi thường cho anh P1 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghã vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/10/2022 chị Huỳnh Huế A kháng cáo với nội dung: Ông Tạo được cụ Ninh tặng cho quyền sử dụng đất và đã được cấp quyền sử dụng năm 1995. Năm 2006 được cấp đổi lại năm 2014 ông Tạo mới tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Huế Anh. Thửa đất 441 mới được thể hiện theo tờ bản đố số 7 năm 2006.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Huệ A. Buộc bà T1, anh P1 và những người liên quan, tháo dỡ hàng rào, giao trả phần đất diện tích 2000m^2 cho chị Huế Anh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết tại phiên tòa sơ thẩm chị Huế A xác định ban đầu chị Khởi kiện ông N1, bà T1 phải giao trả lại phần đất diện tích 2000m^2 do bà T1 và ông N1 cản trở không cho chị sử dụng đất. Quá trình xét xử sơ thẩm chị xác định kiện bà T1, do bà T1 không cho chị sử dụng đất. Chị Huế A kháng cáo buộc bà T1 giao trả đất. Tại phiên tòa chị Huế A yêu cầu buộc những người liên quan trong gia đình bà T1 tháo dỡ hàng rào trả đất cho chị.

[2] Xét kháng cáo của chị Huế Anh: Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 279) bà T1 thừa nhận phần đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Khương (Chồng bà T1) được cấp. Bà T1 xác định định nguồn gốc đất do cha chồng cho, chưa làm quyền sử dụng. Năm 2002 ông Tạo có yêu cầu tranh chấp và được chính quyền địa phương giải quyết, bà đồng ý giao cho ông Tạo 1000m^2, do ông Tạo làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 05 công nên phát sinh tranh chấp (BL 73, 126). Ông Tạo thì khẳng định trước đây ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết việc bà T1 trồng cây trên đất của ông và chính quyền đã giải quyết yêu cầu bà T1 thu hoạch hoa màu và không được trồng cây trên đất của ông (BL111). Xét cả hai đều trình bày có hòa giải nhưng không ai cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét thời điểm năm 2002 nếu có phát sinh tranh chấp, bà T1 cũng biết ông Tạo được cấp quyền sử dụng đất, bà T1 cũng không có ý kiến tranh chấp gì với ông Tạo nên lời trình bày của ông Tạo là chính quyền địa phương giải quyết đề nghị bà T1 thu hoạch hoa màu, không trồng cây trên đất của ông Tạo như lời trình bày của ông Tạo là có căn cứ.

[3] Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Khương được cấp vào ngày 18/3/1995 không có phần đất hiện đang tranh chấp. Ông Tạo được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/7/1995 (BL 115), sau thời điểm ông Khương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T1 xác định đất được cha chồng cho nhưng thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Khương không đăng ký kê khai để được cấp quyền sử dụng nên không có căn cứ phần đất này là của gia đình bà T1.

[4] Hiện trạng trên phần đất có hai ngôi mộ do chị Huế A di quang về chôn. Việc bà T1 sử dụng, cải tạo một phần trên phần đất của ông Tạo và chị Huế A chưa được sự cho phép của họ, việc làm này là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Huế A. Vấn đề chị Huế A được cấp quyền sử dụng đất nhưng không quản lý, sử dụng như án sơ thẩm nhận định là thiếu căn cứ. Bà T1 vẫn thừa nhận chị Huế A có đi về phần đất này có làm cỏ (BL 276), suốt quá trình sử dụng đất ông Tạo và chị Huế A không vi phạm pháp luật về đất đai bị cơ quan có thẩm quyền xử lý, không bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa ông Khương, ông Tạo, bà T1, chị Huế A không tranh chấp về phần đất này từ năm 1995 thời điểm ông Khương và ông Tạo được cấp quyền sử dụng đất cho đến khi chị Huế A khởi kiện. Như vậy chứng minh có việc quản lý, sử dụng và cấp quyền sử dụng đất cho ông Tạo và chị Huế A là hợp pháp.

[5] Cấp sơ thẩm nhận định phần đất cấp quyền sử dụng cho ông Tạo là một phần thuộc thửa 441. Xét thửa 441 được đo vẽ xác định trên hồ sơ cấp đổi lại giấy chứng nhận của ông Tạo thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tạo vào năm 2006. Trong khi đó, phần đất của ông Tạo được cấp quyền sử dụng thuộc thửa 379 theo bản đồ 299, cấp đổi lại thuộc thửa 697, diện tích không thay đổi. Nên không có căn cứ thửa 697 thuộc một phần thửa 441, vì thửa 441 là của ông Khương, trước đây thửa 441 thể hiện là thửa 378 và thửa 380, 381. Quá trình giải quyết bà T1 trình bày thửa 380, 381 là nhờ chị ông Khương là bà Huỳnh Thị Khỏe và Huỳnh Thị Trí đứng tên giúp. Điều này phù hợp với bản đồ 299 thể hiện thửa 379 do ông Huỳnh Công tạo đứng tên (BL 113).

[6] Như vậy, xét về nguồn gốc đất, việc cấp quyền sử dụng đất, sổ mục kê, sơ đồ bản vẽ đất qua các thời kì, thủ tục cấp quyền sử dụng đất của ông Khương, ông Tạo, quá trình sử dụng đất thì có căn cứ xác định là phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Tạo đã giao lại quyền sử dụng cho chị Huế Anh.

[7] Bản án sơ thẩm nhận định "…trừ khu đất có khu mộ thì phần còn lại bà T1 quản lý sản, xuất liên tục nhưng ông Tạo, chị Huế Anh không có ý kiến gì. Bà T1 đã có công trong việc cải tạo làm tăng sự màu mỡ và giá trị của đất. Qua đó, cho thấy phần đất tranh chấp nói trên mục đích của ông Tạo và chị Huế A là để làm khu mộ chôn cất ông Ninh, ông Quảng, không có nhu cầu sử dụng đất" là phiến diện thiếu căn cứ. Theo biên bản thẩm định thực tế, sơ đồ phần đất tranh chấp (BL 59, 149) thì phần đất tranh chấp có chiều ngang cặp kinh xáng 43,5m, chiều dài là 46m bà T1 có sử dụng một phần đất từ khu mộ đo đến phần đất nuôi tôm của bà T1 chiều ngang mỗi bên là 6,4m chạy dài 46m, việc sử dụng của bà T1 là không hợp pháp, lấn chiếm đất của bà Huế A, bà T1 không được Nhà nước thừa nhận quyền sử dụng, bà T1 biết nhưng vẫn thực hiện. Pháp luật không thể bảo vệ hành vi này. Tại phiên tòa anh P1 thừa nhận anh và chị N5, anh N1 đang quản lý và sử dụng cùng với bà

T1 trên phần đất của bà T1, phần đất tranh chấp nằm trong khuôn viên hàng rào là do anh xây dưng. Do bà T1 xác định phần đất tranh chấp là do ông Khương là chồng bà T1 để lại cho gia đình nên xét yêu cầu của chị Huế A buộc bà T1 và những người có liên quan là con bà T1 như anh N1, chị Bé Hai, chị N2, chị N3, chị N5, anh P1 tháo dỡ hàng rào giao trả lại quyền sử dụng đất cho chị Huế A là có căn cứ.

[8] Đối với phần đất có công trình giao thông đi ngang qua phần đất của chị Huế A thì phía chị Huế A không có ý kiến tranh chấp về thu hồi, bồi thường vì phần đường đi này do Nhà nước và nhân dân cùng làm. Khi nhà nước có nhu cầu sử dụng thì chị Huế A sẽ giao.

[9] Từ các căn cứ trên xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Huế A là có cơ sở nên được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị Huế A.

[10] Chi phí tố tụng bao gồm: Chị Huế A nộp chi phí đo đạc số tiền 1.214.000 đồng (BL62), xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 1.500.000 đồng (BL51). Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huế A nên buộc bà T1 phải thanh toán tổng số tiền là 2.714.000 đồng (hai triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) cho chị Huế A.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà T1 phải chịu án phí là 3.000.000 đồng (Giá trị đất tranh chấp là 30.000đ/m^2 x 2000m^2 x 5%). Chị Huế Anh nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng được nhận lại.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên chị Huế A không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[12] Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Điều 147; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Huỳnh Huế A. Sửa bản án sơ thẩm dân sự số 72/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới B.

Buộc bà Lê Thị T1, anh Huỳnh Văn N1, chị Huỳnh Bé H, chị Huỳnh Mỹ N2, chị Huỳnh Mỹ N3, chị Huỳnh Mỹ N5, anh Lữ Trần P2 tháo dỡ hàng rào giao trả phần đất diện tích 2000m^2 từ M1 đến M4 tại thửa 697, tờ bản đồ số 7 tại ấp Cái Bát, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới B, tỉnh C cho chị Huỳnh Huế A (Kèm mảnh trích đo ngày 21/10/2015).

Buộc bà Lê Thị T1 phải thanh toán chi phí tố tụng số tiền là 2.714.000 đồng (Hai triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng) cho chị Huỳnh Huế A.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Lê Thị T1 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2015 chị Huỳnh Huế A nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02889 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới B được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm chị Huỳnh Huế A không phải chịu. Đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003077 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới B được nhận lại.

Các Quyết định khác không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C;*
- *Tòa án nhân dân h. Thới ;*
- *Chi cục THADS h Thới B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân h. Thới Bình;
- Chi cục THADS h Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Minh Trung **Đinh Cẩm Đào** **Hoàng Thị Hải Hà**